

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 305/2024/DS-PT

Ngày: 08-7-2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng góp hui và thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Giàu

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Hồng Vân

Bà Phạm Thị Thuỳ Trang

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Trần Khánh Duy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quốc Việt – Kiểm sát viên.

Vào các ngày 05 và 08 tháng 7 năm 2024, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2023/TLPT-DS ngày 08 tháng 4 năm 2024, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng góp hui và thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2024/DS-ST ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 251/2024/QĐXXPT-DS ngày 03 tháng 6 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 66/2024/QĐPT-DS ngày 20 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Ngọc N, sinh năm 1983

Địa chỉ: Số B, tổ C, ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. *Bị đơn:*

Ông Lê Minh Đ, sinh năm 1974; vắng mặt

Anh Lê Gia B, sinh năm 1997; vắng mặt

Chị Lê Gia H, sinh năm 2005; vắng mặt

Cùng địa chỉ: Tổ C, khu phố C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Anh Lê Phước Ý, sinh năm 1995. Địa chỉ: Số B, Đường L, khu phố D, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (Theo hợp đồng uỷ quyền ngày 26/01/2024); có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1946; vắng mặt.

Ông Trần Văn Đ1, sinh năm 1940; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số H, tổ A, khu phố H, phường H, thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

4. Người kháng cáo: Ông Lê Minh Đ, anh Lê Gia B và chị Lê Gia H, là bị đơn.

5. Kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/11/2023, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc N trình bày:

Bà Trần Thị Kim C làm thảo hụi và cho vay tiền góp nhiều năm ở chợ C2. Trước đó, bà cũng đã tham gia nhiều dây hụi với bà C, nhưng các dây này đều đã mãn hết. Tất cả các dây hụi do bà C làm đầu thảo đều là hụi 5.000.000 đồng, hụi sống thì đóng 4.000.000 đồng/tháng, còn hụi chết thì đóng 5.000.000 đồng/tháng. Trong khoảng thời gian từ năm 2022 đến năm 2023, bà có tham gia chơi 08 phần của 04 dây hụi 5.000.000 đồng, do bà C làm đầu thảo. Tất cả các dây hụi bà tham gia đều là hụi tháng (tức 01 tháng khui một lần), nhưng do bà buôn bán rau ở chợ, không có tiền để đóng một lần nên bà thoả thuận với bà C sẽ đóng tiền hụi theo ngày, cụ thể: mỗi ngày bà sẽ đóng cho bà C số tiền là 150.000 đồng/1 phần hụi, 08 phần là 1.200.000 đồng/ngày, cuối tháng bà C sẽ cộng số tiền bà đã đóng, sau đó trừ đi số tiền hụi bà phải đóng trong tháng và trả lại cho bà số tiền đã đóng dư. Do bà đóng hụi theo hình thức góp hàng ngày, nên số tiền bà góp tháng trước sẽ là tiền hụi đóng cho tháng sau (ví dụ hụi khui tháng 6/2022 thì bà phải góp từ tháng 5/2022) như vậy bà C mới có tiền để đăng hụi cho hụi viên hốt hụi. Ngoài bà ra, nhiều người ở chợ C2 cũng đóng hụi cho bà C theo hình thức này. Mỗi ngày vào tầm 11 giờ trưa bà C đi thu tiền hụi, nếu bà C bận thì chị ruột bà C là Trần Thị Kim C1 hoặc con bà C là Lê Gia B sẽ là người đi thu tiền hụi. Do bà C làm hụi và cho vay góp lâu năm ở địa phương và từ trước đến nay là người giữ chữ tín, nên khi

chơi hụi hầu như không ai yêu cầu đưa danh sách hụi viên, khi đóng hụi cũng không ai yêu cầu viết giấy biên nhận, ngược lại khi đăng hụi bà C cũng không yêu cầu hụi viên viết giấy biên nhận, nhưng vào cuối mỗi tháng bà C đều đến gặp bà Đ chốt lại số tiền bà phải đóng, số tiền bà đã đóng, sau đó cân trừ với nhau, số tiền bà đã đóng dư thì bà C trả lại, mỗi lần như vậy bà C đều tính và viết ra giấy như bà đã giao nộp cho Tòa án. Tuy nhiên, do bà tin tưởng bà C cũng như không lường trước được việc bà C sẽ chết đột ngột nên chỉ giữ lại được một số tháng. Cụ thể các dây hụi bà còn tham gia chơi với bà C như sau:

Dây hụi 5.000.000 đồng khai ngày 10/4/2022, bà tham gia chơi 01 phần. Dây hụi gồm 25 phần. Đối với dây hụi này bà đã hót, sau khi bà C chết thì bà ngưng đóng cho đến nay, hiện bà còn nợ của bà C 07 tháng hụi chết với số tiền là 35.000.000 đồng;

Dây hụi 5.000.000 đồng khai ngày 20/6/2022, bà tham gia 01 phần. Dây hụi gồm 25 phần với 10 hụi viên tham gia. Trong danh sách hụi viên do bà C lập thì tên của bà được ghi là “Nhưng chợ”. Bà đóng hụi cho bà C bắt đầu từ tháng 5/2022 tính đến tháng 7/2023 là 15 tháng với tổng số tiền là 15 tháng x 01 phần x 4.000.000 đồng = 60.000.000 đồng;

Dây hụi 5.000.000 đồng khai ngày 01/11/2022, bà tham gia 02 phần. Dây hụi gồm 25 phần. Bà bắt đầu đóng hụi từ tháng 10/2022 tính đến tháng 7/2023 là 10 tháng với tổng số tiền là 4.000.000 đồng x 10 lần x 2 phần = 80.000.000 đồng;

Dây hụi 5.000.000 đồng khai ngày 25/02/2023, bà tham gia 04 phần. Dây hụi gồm 25 phần với 12 hụi viên tham gia. Trong danh sách hụi viên do bà C lập thì tên của bà được ghi là “Nhưng rau”. Bà góp hụi từ tháng 01/2023 tính đến tháng 7/2023 là 07 lần với tổng số tiền vốn là 4.000.000 đồng x 7 lần x 4 phần = 112.000.000 đồng.

Ngoài ra, tháng 8/2023 bà có góp tiền hụi của tháng 09 cho bà C được tổng số tiền là: 1.200.000 đồng/ngày x 31 ngày = 37.200.000 đồng;

Từ ngày 10/9/2023 đến ngày 18/9/2023, bà đóng cho bà C được 09 ngày với số tiền là 1.200.000 đồng x 9 ngày = 10.800.000 đồng.

Đối với số tiền hụi bà góp trong tháng 8/2023 và đầu tháng 9/2023 do bà C chưa chốt nên sau khi bà C chết thì bà có đến gặp ông Đ và con ông Đ là Gia B, khi đó Gia B là người đã chốt số tiền cho bà như bà đã nộp cho Tòa. Tuy nhiên, khi chốt số tiền đóng hụi của mấy ngày đầu tháng 9/2023 Gia B đã tính nhầm số ngày bà đóng và số tiền đóng mỗi ngày nên mới tính lên thành 15.000.000 đồng nhưng thực tế chỉ đóng được số tiền là 10.800.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền hụi sống bà đã đóng cho bà C gồm:

60.000.000 đồng + 80.000.000 đồng + 112.000.000 đồng + 37.200.000 đồng + 10.800.000 đồng = 300.000.000 đồng.

Bà đồng ý trừ số tiền hụi chết bà còn nợ bà C là 35.000.000 đồng và số tiền hoa tươi ông Đ và Gia B giao cho bà để cân trừ nợ từ sau khi bà C chết là 14.080.000 đồng. Bà yêu cầu ông Đ và các con bà C phải trả lại số tiền là 250.920.000 đồng.

Ngoài ra, ngày 12/12/2022 bà C có vay của bà 100.000.000 đồng (bà C có viết giấy biên nhận như chị đã giao nộp cho Tòa), đến ngày 09/01/2023 bà C vay thêm số tiền 100.000.000 đồng thì bà C mới viết vào quyển sổ với nội dung là vay 200.000.000 đồng (trong đó bao gồm cả số tiền vay ngày 12/12/2022), đến tháng sau đó, tức ngày 09/02/2023 bà C đến đăng hụi cho bà và vay thêm của bà số tiền 100.000.000 đồng, nói là để mua đất ở H. Lúc vay, bà C không viết lại giấy nợ mới, bà đưa quyển sổ thì bà C tự sửa số 2 thành số 3 như giấy biên nhận bà đã giao nộp. Do từ trước đến nay bà C làm ăn rất uy tín ở địa phương nên bà cũng không yêu cầu viết lại giấy nợ. Việc bà C sửa giấy nợ có chị V (người bán sạp rau kế bên sạp rau của bà) nhìn thấy. Hơn nữa, trong các giấy tính tiền hụi và tiền lãi hàng tháng bà C và anh B (con bà C) cũng có ghi tiền lời là 4.500.000 đồng (tức bà cho bà C vay 300.000.000 đồng với lãi suất là 1,5%/tháng, nên tiền lãi là 4.500.000 đồng/tháng). Sự việc bà C vay tiền của bà nhiều người ở chợ C2, cũng như chồng và con bà C đều biết, nên sau khi bà C chết, con của bà C là Gia B mới ghi tiền lời là 4.500.000 đồng, đây là tiền lời một tháng của số tiền vay 300.000.000 đồng. Sau khi bà C chết thì bà có đến gặp chồng bà C là ông Lê Minh Đ để đòi tiền, thì ông Đ cũng cam kết vài ba bữa sẽ trả lại tiền hụi và tiền vay cho bà nhưng sau đó thì không thực hiện. Do đó, bà N khởi kiện yêu cầu ông Đ và các con của ông Đ, bà C là anh B và chị H có trách nhiệm trả lại cho bà các khoản sau đây:

Tiền vay 300.000.000 đồng và tiền lãi tính theo mức lãi suất là 1,5%/tháng từ ngày 09/02/2023 đến ngày xét xử;

Tiền hụi vốn là 250.920.000 đồng và tiền lãi tính theo mức lãi suất là 1,5%/tháng từ ngày 19/9/2023 đến ngày xét xử.

Bị đơn, ông Lê Minh Đ trình bày: Vợ ông tên Trần Thị Kim C (chết ngày 19/9/2023). Khi còn sống, vợ chồng ông kinh doanh hoa tươi ở chợ C2, ngoài ra bà C còn làm đầu thảo hụi và cho vay tiền góp, những người chơi hụi với bà C chủ yếu là dân buôn bán ở chợ C2. Từ trước đến nay ông chỉ lo làm hoa tươi nên không mấy quan tâm đến việc làm ăn của bà C. Tiền hụi thường là do bà C tự đi thu nên ông không biết. Sau khi bà C chết, một số người hụi sống có đến nhà ông đòi nợ, trong đó có bà N. Ông có thỏa thuận để ông trả nợ dần bằng hình thức giao hoa tươi cho bà N để trừ nợ đối với khoản tiền hụi, còn đối với số tiền vay thì ông thỏa

thuận để ông làm có tiền sẽ trả cho bà N sau. Lúc đầu bà N cũng đồng ý, nhưng sau đó không hiểu lý do gì lại làm đơn khởi kiện.

Đối với các giấy tờ mà bà N đã giao nộp cho Tòa gồm quyền sở ghi tiền hui và tiền vay 300.000.000 đồng, giấy biên nhận vay số tiền 100.000.000 đồng và 07 giấy chốt tiền hui mỗi tháng, ông xác nhận là do bà Trần Thị Kim C viết, tuy nhiên nội dung các tài liệu này không rõ ràng, không có xác nhận của chính quyền địa phương, nên ông không biết cụ thể số tiền bà C còn nợ bà N là bao nhiêu. Hơn nữa, bà N đã khởi kiện cha con ông, nên nay ông không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của bà N vì bà C chơi hui cũng như vay tiền của bà N, ông hoàn toàn không hay biết.

Anh Lê Gia B trình bày: Anh B xác nhận khi còn sống mẹ anh là bà Trần Thị Kim C có làm chủ hui và cho vay tiền góp. Khi bà C bận thì có nhờ anh đi thu tiền hui giúp, nhưng sau khi mẹ anh chết sổ sách trong gia đình bị mất nên anh không biết được cụ thể bà N chơi với mẹ anh những dây hui nào bao nhiêu phần và số tiền hui mà bà N đã đóng. Anh cũng không biết việc bà N cho bà C vay tiền. Sau khi bà C chết, bà N có mang giấy tờ, sổ sách đến nhà yêu cầu trả nợ, sau khi xem xét giấy tờ bà N đưa, nhận thấy đúng là chữ viết của mẹ anh, nên anh có ghi ra giấy cho bà N các nội dung gồm hui 08 phần, mỗi ngày bà N đóng 1.200.000 đồng, tháng 8 bà đóng được 31 ngày với tổng số tiền là 37.200.000 đồng, trừ tiền hui bà N phải đóng của tháng 9/2023 là 33.000.000 đồng thì tháng 8 gia đình anh phải trả lại cho bà N số tiền là 4.200.000 đồng. Từ ngày 10/9 đến trước ngày mẹ anh chết 19/9/2023 bà N đóng được số tiền 1.200.000 đồng/ngày x 9 ngày = 10.080.000 đồng, nhưng do anh tính nhầm số tiền bà N đóng mỗi ngày từ 1.200.000 đồng thành 1.500.000 đồng và tính nhầm số ngày đóng từ 09 ngày lên 10 ngày nên mới ghi nhầm số tiền bà N đã đóng thành 15.000.000 đồng, ngoài ra còn tiền lãi của số tiền vay là 4.500.000 đồng. Khi ghi nội dung giấy trên anh cũng chưa biết rõ bà N chơi mấy dây hui mà chỉ ghi theo lời nói của bà N. Các khoản tiền này anh chỉ tính với bà N từ tháng 8 đến khi mẹ anh chết, còn các khoản trước đó bà C và bà N tự tính với nhau anh không biết. Sau khi tính toán nợ xong, gia đình anh và bà N có thỏa thuận sẽ giao hoa tươi cho bà N để cần trừ nợ, lúc đầu bà N đồng ý nhưng sau đó bà N đòi lấy nhiều hoa hơn thì gia đình anh không đồng ý, vì nếu như vậy gia đình anh sẽ không còn vốn để làm ăn, do vậy mà bà N khởi kiện. Đối với các khoản nợ hui, cũng như nợ vay giữa bà N và bà C cụ thể thế nào anh không biết rõ. Nay với yêu cầu khởi kiện của bà N anh không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Đỗ Thị T trình bày: Bà Trần Thị Kim C là con ruột của bà và ông Trần Văn Đ1. Bà C chết đột ngột nên không để lại di chúc. Khi còn sống, bà C có chơi hui và vay tiền của ai hay không ông, bà không biết. Bà C kết hôn với ông Đ đến nay đã hơn 20 năm nhưng bà C có để lại tài sản gì hay không thì bà không biết. Nay bà C chết, tài sản và nợ nần do bà C để

lại cha, con ông Đ tự giải quyết. Vợ chồng bà đã được thông báo về kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, ông bà không yêu cầu Tòa án hòa giải và công khai chứng cứ lại. Ông bà đã già, yếu, đi lại khó khăn nên đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày số tiền vay 300.000.000 đồng và tiền hụi 250.920.000 đồng là nợ chung của bà C và ông Đ, vì việc vay tiền và chơi hụi là do bà C trực tiếp giao dịch, nhưng ông Đ có biết và tiền có được bà C cũng sử dụng cho mục đích chung của gia đình, mua đất ở khu phố H, phường H, thị xã H đứng tên hai vợ chồng. Nay bà C chết nên yêu cầu ông Đ và các con là Lê Gia B và Lê Gia H có trách nhiệm trả lại số tiền nêu trên. Nguyên đơn không yêu cầu trả tiền lãi suất, cũng như không yêu cầu cha mẹ của bà C là ông Đ1 và bà T cùng có trách nhiệm trả nợ.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn, anh Lê Phước Ý trình bày: Ông Đ, anh B và chị H thừa nhận bà N có tham gia chơi 08 phần của 04 dây hụi 5.000.000 đồng, gồm 25 phần, khai vào các ngày 20/6/2022, 10/4/2022, 01/11/2022 và 25/02/2023 như nguyên đơn trình bày, đồng thời cũng thừa nhận các chữ ký, chữ viết trong các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp có trong hồ sơ vụ án là chữ viết và chữ ký của bà Trần Thị Kim C. Tuy nhiên, do các tài liệu, chứng cứ là các giấy tính tiền hụi hàng tháng hầu hết là không ghi ngày, tháng, năm viết, đối với giấy tính tiền hụi và tiền lãi do anh B viết là viết theo yêu cầu của bà N, thực tế anh B không tham gia các dây hụi nên không biết rõ, do đó anh B không thừa nhận giá trị pháp lý của tài liệu này. Cụ thể về tiền hụi phía bị đơn thừa nhận, dây hụi khai ngày 10/4/2022 bà N tham gia 01 phần, đóng hụi được 15 lần đến lần thứ 16 thì hốt hụi, số tiền hụi chết bà N còn nợ là 45.000.000 đồng, dây hụi khai ngày 20/6/2022 bà N tham gia chơi 01 phần đóng được 13 lần, mỗi lần đóng 4.000.000 đồng, với tổng số tiền là 52.000.000 đồng; Dây hụi khai ngày 01/11/2022, bà N tham gia chơi 02 phần và đóng được 08 lần, mỗi lần đóng 4.000.000 đồng, với tổng số tiền là 64.000.000 đồng; Dây hụi ngày 25/02/2023, bà N tham gia chơi 04 phần và đã đóng được 05 lần, mỗi lần đóng 4.000.000 đồng, với tổng số tiền đã đóng được là 80.000.000 đồng, tổng số tiền hụi bà N đã đóng cho bà C từ ngày mở hụi đến ngày 30/6/2023 là 196.000.000 đồng, trừ 45.000.000 đồng tiền hụi chết thì ông Đ, anh B và chị H đồng ý trả lại cho bà N số tiền là 151.000.000 đồng trong phạm vi di sản thừa kế do bà C để lại.

Đối với tiền vay, do giấy nợ ngày 09/01/2023 bị chỉnh sửa nên bị đơn không đồng ý trả số tiền này, đối với số tiền 100.000.000 đồng theo giấy biên nhận ngày 12/12/2022 bị đơn đồng ý trả cho nguyên đơn trong phạm vi di sản thừa kế của bà C để lại.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số:13/2024/DS-ST ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tây Ninh quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng góp hụi và thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại” của bà Phạm Thị Ngọc N đối với ông Lê Minh Đ, anh Lê Gia B và chị Lê Gia H.

Buộc ông Lê Minh Đ có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị Ngọc N số tiền 275.460.000 đồng (bằng chữ: Hai trăm bảy mươi lăm triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng).

Buộc ông Lê Minh Đ, anh Lê Gia B và chị Lê Gia H có trách nhiệm liên đới trả cho bà Phạm Thị Ngọc N số tiền là 275.460.000 đồng (bằng chữ: Hai trăm bảy mươi lăm triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng) trong phạm vi di sản thừa kế do bà Trần Thị Kim C để lại.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 06/3/2024 ông Lê Minh Đ, anh Lê Gia B và chị Lê Gia H kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền tổng cộng là 251.000.000 đồng trong phạm vi di sản thừa kế của bà C để lại.

Ngày 12/3/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện CT, tỉnh Tây Ninh ban hành Quyết định kháng nghị số 01/QĐ-VKS-DS, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng sửa một phần bản án sơ thẩm về xác định trách nhiệm trả nợ, nghĩa vụ thực hiện về tài sản, về án phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Đ, anh B, chị H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Nguyên đơn bà N yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh rút lại một phần kháng nghị về việc xác định trách nhiệm trả nợ hụi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- + Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- + Về nội dung: Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Đ, anh B và chị H đối với số tiền vay và xác định tiền vay là nợ riêng của bà C.

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đối với nội dung xác định nợ vay là nợ riêng của bà C và xác định lại nghĩa vụ thực hiện về tài sản và án phí.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2024/DS-ST ngày 27/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tây Ninh, theo hướng: Xác định nợ hui là nợ chung của bà C, ông Đ; Xác định số tiền vay là nợ riêng của bà C. Buộc những người thừa kế của bà C có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ nợ hui và nợ vay trong phạm vi di sản do bà C để lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của ông Lê Minh Đ, anh Lê Gia B và chị Lê Gia H là hợp lệ, đúng theo quy định tại các Điều: 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Ngày 12/3/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh ban hành Quyết định kháng nghị số 01/QĐ-VKS-DS đối với Bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2024/DS-ST ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh là đảm bảo thời hạn theo quy định tại Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Bà Phạm Thị Ngọc N khởi kiện yêu cầu ông Lê Minh Đ và các con ông Đ là anh Lê Gia B và chị Lê Gia H trả số tiền bà C đã vay khi còn sống là 300.000.000 đồng và 250.920.000 đồng tiền hui bà C đã nhận của bà tổng cộng là 550.920.000 đồng nhưng bị đơn ông Đ, anh B, chị H chỉ thừa nhận số tiền vay là 100.000.000 đồng và tiền hui 151.000.000 đồng, tổng cộng là 251.000.000 đồng.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn ông Lê Minh Đ, anh Lê Gia B và chị Lê Gia H thấy rằng:

[3.1] Đối với khoản tiền vay 300.000.000 đồng, nguyên đơn bà N cho rằng đã cho bà C vay 03 lần, mỗi lần vay là 100.000.000 đồng. Lần đầu bà C vay có viết giấy vay tiền ngày 12/12/2022; Lần 2 bà C vay 100.000.000 đồng và viết biên nhận ngày 09/01/2023 với nội dung vay bà N 200.000.000 đồng (bao gồm cả số tiền 100.000.000 đồng bà C đã vay ngày 12/12/2022); Lần 03 là vào tháng 02/2023, khi bà C đăng hui thì có vay thêm của bà số tiền là 100.000.000 đồng, do tin tưởng nên

bà đã để bà C sửa giấy biên nhận ngày 09/01/2023 từ 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) thành 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Xét thấy, lời khai của bà N phù hợp với nội dung các giấy biên nhận và phù hợp với khoản tiền lãi 4.500.000 đồng/tháng (được tính theo mức lãi suất 1,5%/tháng/300.000.000 đồng tiền vốn) được bà C trả cho bà N thể hiện trong các giấy tính tiền hụi và lãi hàng tháng do bà C lập khi còn sống và anh B lập sau khi bà C mất. Mặc dù giấy biên nhận ngày 09/01/2023 bị sửa từ số tiền 200.000.000 đồng thành số tiền 300.000.000 đồng, tuy nhiên, ngoài giấy biên nhận này thì nguyên đơn bà N còn xuất trình giấy biên nhận nợ với số tiền là 100.000.000 đồng ngày 12/12/2022, nên việc sửa nội dung giấy biên nhận không thể xuất phát từ phía nguyên đơn vì điều này hoàn toàn không có lợi cho nguyên đơn. Phía bị đơn ông Đ, anh B, chị H thừa nhận chữ viết và chữ ký tên trong giấy nhận tiền ngày 09/01/2023 là do bà C viết và ký tên nhưng số tiền vay 300.000.000 đồng có sự chỉnh sửa nên không đồng ý với số nợ trên nhưng không có yêu cầu giám định. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định việc bà N cho bà C vay số tiền 300.000.000 đồng với lãi suất 1,5%/tháng là có thật. Do đó bà N khởi kiện yêu cầu ông Đ và những người thừa kế của bà C phải trả số tiền trên là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Đối với khoản tiền hụi: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ là các giấy tính tiền hụi hàng tháng do bà C, anh B viết giao cho bà N giữ, lời khai của những người làm chứng là các hụi viên tham gia các dây hụi cùng với bà N, lời khai của bà Trần Thị Kim C1 (chị của bà C và là người thu tiền hụi của chị N thay cho bà C mỗi lần bà C có việc bận), cũng như lời thừa nhận của bị đơn ông Đ xác định, bà N có tham gia 08 phần hụi của 04 dây hụi 5.000.000 đồng, mở vào các ngày 10/4/2022, 20/6/2022, 01/11/2022 và 25/02/2023 do bà C làm chủ thảo. Bà N đóng hụi theo hình thức góp mỗi ngày và tiền góp hụi của tháng trước sẽ là tiền đóng hụi cho tháng sau. Bà N đã đóng hụi cho bà C đến ngày 18/9/2023 (trước ngày bà C mất một ngày) với tổng số tiền là 300.000.000 đồng. Phía bị đơn chỉ thừa nhận bà N đóng hụi từ ngày mở hụi đến ngày 30/6/2023 với tổng số tiền là 196.000.000 đồng, đối với thời gian sau phía bị đơn không thừa nhận và cho rằng giấy tính tiền hụi do anh B viết sau không ghi rõ ngày, tháng, năm, cũng như ghi theo yêu cầu của bà N nên không có giá trị. Xét thấy, các dây hụi bà N tham gia đều là hụi tháng (tức mỗi tháng khui hụi một lần), nhưng bà N đóng hụi theo hình thức góp theo ngày, mỗi ngày góp số tiền là 1.200.000 đồng (tương đương 150.000 đồng/1 phần hụi/ngày), như vậy để có tiền đăng hụi cho hụi viên lãnh hụi (hốt hụi) thì bà N phải góp tiền hụi từ tháng trước. Căn cứ vào giấy tính tiền hụi và tiền lãi do anh B (con bà C) viết trên mẫu “Hoá đơn bán hàng” của shop hoa tươi “Cúc – Bảo Hân” (BL 35) mà anh B đã giao cho bà N và lời trình bày của anh B thừa nhận khi bà C còn sống việc chốt tiền hụi hàng tháng là do bà C làm, sau khi bà C mất do tháng 8 và đầu tháng 9/2023 bà C chưa tính tiền hụi cho bà N nên anh mới viết giấy chốt lại

số tiền hui với bà N. Như vậy, có căn cứ xác định bà N đã đóng tiền hui liên tục từ trước khi mở hui 01 tháng cho đến ngày 18/9/2023 (trước khi bà C chết một ngày) với tổng số tiền là 300.000.000 đồng, sau khi trừ số tiền hui chết bà N nợ lại bà C là 35.000.000 đồng và 14.080.000 đồng bị đơn đã trả trước đó, hiện bà C còn nợ bà N là 250.920.000 đồng. Do đó, bà N yêu cầu phía bị đơn ông Đ, anh B và chị H trả lại số tiền hui đã đóng là 250.920.000 đồng là có căn cứ.

[4] Về xác định trách nhiệm trả nợ: Bà C làm chủ thảo hui và cho vay tiền góp trong thời gian dài, ông Đ là người sống chung nhà với bà C và sau khi bà C chết thì bà N có gặp ông Đ để yêu cầu trả nợ, ông Đ cũng đồng ý trả nợ vay và nợ hui cho bà N nên có cơ sở xác định ông Đ biết việc bà C chơi hui và vay tiền của bà N nhưng không có ý kiến phản đối. Tiền vay, cũng như tiền thu được từ việc làm thảo hui, bà C cũng sử dụng cho mục đích chung của gia đình, mua tài sản chung vợ chồng nên cấp sơ thẩm xác định đây là nợ chung của ông Đ và bà C là có căn cứ.

[5] Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát huyện C và đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm về xác định số tiền nợ hui, nợ vay là nợ riêng của bà C và xác định lại nghĩa vụ thực hiện về tài sản, về án phí, nhận thấy:

[5.1] Tại phiên tòa phúc thẩm Kiểm sát viên thống nhất: Đối với phần nợ hui xác định là nợ chung của vợ chồng bà C, ông Đ. Bản án sơ thẩm buộc ông Đ có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ nợ chung là có căn cứ nên Kiểm sát viên rút một phần kháng nghị về việc xác định trách nhiệm trả nợ hui là có cơ sở chấp nhận.

[5.2] Đối với nợ vay Kiểm sát viên xác định là nợ riêng của bà C là không phù hợp. Vì nợ này có trong thời kỳ hôn nhân, việc bà C vay tiền của bà N là để mua tài sản vợ chồng cùng đứng tên. Bản án sơ thẩm xác định nợ chung và buộc ông Đ trả $\frac{1}{2}$ nợ chung là phù hợp quy định khoản 2 Điều 37 Luật HNGĐ nên Viện kiểm sát nhân dân huyện C kháng nghị yêu cầu xác định nợ vay là nợ riêng của bà C là không có cơ sở chấp nhận.

[5.3] Về thực hiện nghĩa vụ về tài sản: Bản án sơ thẩm xác định và tuyên buộc ông Đ, B, H là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà C có trách nhiệm liên đới trả cho bà N số tiền 275.460.000 đồng trong phạm vi di sản do bà C để lại là không đúng nên Viện kiểm sát nhân dân huyện C kháng nghị đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng tuyên buộc những người thừa kế của bà C có trách nhiệm trả nợ cho bà N trong phạm vi di sản do bà C để lại, không buộc trách nhiệm liên đới là có căn cứ chấp nhận

[5.4] Về án phí: Bản án sơ thẩm tuyên buộc ông Đ, anh B, chị H có trách nhiệm liên đới trả cho chị N số tiền 275.460.000 đồng trong phạm vi di sản do bà C để lại, nhưng về án phí lại tách ra ông Đ, anh B, chị H mỗi người phải chịu

4.594.000 đồng trong phạm vi di sản do bà C để lại là không phù hợp và mâu thuẫn nhau nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành kháng nghị là có cơ sở chấp nhận.

Xét thấy: Cấp sơ thẩm buộc ông Đ có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ nghĩa vụ chung, tương đương với số tiền là 275.460.000 đồng là có căn cứ nhưng cấp sơ thẩm buộc ông Đ và anh B, chị H có nghĩa vụ liên đới trả cho chị N số tiền là 275.460.000 đồng trong phạm vi di sản thừa kế do bà C để lại là không đúng theo quy định tại Điều 288, Điều 615 Bộ luật dân sự. Do đó cấp phúc thẩm cần sửa lại cách tuyên án là buộc ông Đ có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ nghĩa vụ chung, tương đương với số tiền là 275.460.000 đồng và buộc ông Đ, anh B, chị H có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền là 275.460.000 đồng trong phạm vi di sản thừa kế do bà C để lại là phù hợp.

[6] Bà N không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi, cũng như không yêu cầu bà T, ông Đ1 thực hiện nghĩa vụ tài sản do bà C để lại nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Lê Minh Đ, anh Lê Gia B, chị Lê Gia H. Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành và đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh về thực hiện nghĩa vụ về tài sản và án phí. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa án sơ thẩm về cách tuyên án nghĩa vụ trả nợ và án phí.

[8] Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Minh Đ phải chịu 13.773.000 đồng tiền án phí.

Ông Đ, anh Lê Gia B và chị Lê Gia H phải chịu 13.773.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong phạm vi di sản thừa kế do bà C để lại.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của ông Đ, anh B và chị H không được chấp nhận nên ông Đ, anh B, chị H mỗi người phải chịu là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 429, 463, 471, 615, 651, 658, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, họ, biểu, phường; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của

pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Minh Đ, anh Lê Gia B và chị Lê Gia H.

2. Chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKS-DS ngày 12/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành và Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc thực hiện nghĩa vụ về tài sản và án phí.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2024/DS-ST ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng góp hụi và thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại” của bà Phạm Thị Ngọc N đối với ông Lê Minh Đ, anh Lê Gia B và chị Lê Gia H.

Buộc ông Lê Minh Đ có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị Ngọc N số tiền 275.460.000 đồng (Hai trăm bảy mươi lăm triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng).

Buộc ông Lê Minh Đ, anh Lê Gia B và chị Lê Gia H có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị Ngọc N số tiền là 275.460.000 đồng (Hai trăm bảy mươi lăm triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng) trong phạm vi di sản thừa kế do bà Trần Thị Kim C để lại.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Minh Đ phải chịu 13.773.000 đồng (Mười ba triệu bảy trăm bảy mươi ba nghìn đồng).

Ông Lê Minh Đ, anh Lê Gia B và chị Lê Gia H phải chịu 13.773.000 đồng (Mười ba triệu bảy trăm bảy mươi ba nghìn đồng) trong phạm vi di sản thừa kế do bà Trần Thị Kim C để lại.

Chị Phạm Thị Ngọc N được nhận lại 15.018.000 đồng (Mười lăm triệu không trăm mười tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008615 ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Lê Minh Đ, anh Lê Gia B và chị Lê Gia H mỗi người phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Đ, anh B và chị H đã nộp là 900.000 đồng theo biên lai thu số 0009927 ngày 06 tháng 03 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận ông Đ, anh B và chị H đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TPHCM;
- VKSNDCC tại TPHCM;
- Phòng KTNV TAND tỉnh TN
- VKSND tỉnh TN
- Đương sự;
- TAND huyện CT;
- Chi cục THA huyện CT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Ngọc Giàu